TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 5 -2024
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Bà Dương Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: KDC N, thị trấn B, thành phố P.

Địa chỉ liên hệ: số 80, tổ 40, ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh **Mai Xuân Ch**, sinh năm 1970.

Địa chỉ thường trú: thôn C, xã H, huyện S, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: số 80, tổ 40, ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1946

Địa chỉ: KDC N, thị trấn B, thành phố P.

- Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1964

Địa chỉ: 56 Nguyễn Huy Tự, phường Đ, Quận 1, TP. H.

- Bà **Phạm Thị H1**, sinh năm 1953

Địa chỉ: Tổ 16, khu K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

- Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965

- Chị **Mai Thị Y**, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: thôn C, xã H, huyện S, tỉnh T.

(Anh Ch có mặt, các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Xuân Ch chung sống vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh T (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 28/2/2005).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh Ch xúc phạm danh dự của chị và gia đình bên ngoại. Từ tháng 06 năm 2023 anh chị sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Ch.

- Con chung: có 02 cháu là Mai Nguyễn Việt C, sinh ngày 21/12/2005 và Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 15/5/2012. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cháu Hồng A, tạm thời không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: các khoản nợ của bà Đ, bà H1, bà H, bà Y, bà T để các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên chị Ph xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Mai Xuân Ch trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ph chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh T (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 28/2/2005). Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên bất hoà. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ph.

- Về con chung: có 02 cháu là Mai Nguyễn Việt C, sinh ngày 21/12/2005 và Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 15/5/2012. Nếu ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Hồng A, nhưng do chị Ph xin nuôi cháu nên anh đồng ý, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do chị Ph giữ nên anh đề

nghị sau này có giao dịch gì liên quan đến giấy tờ đất thì chị Ph phải phối hợp trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cùng giải quyết.

- Nợ chung: Các khoản nợ của bà Đ, bà H thì anh không biết, còn nợ bà H1 đã trả xong nhưng nay bà Đ, bà H, bà H1 đã rút đơn yêu cầu nên anh không có ý kiến gì khác. Đối với khoản nợ chị Y và bà T thì không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày tại hồ sơ*:

Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Ph. Cuối năm 2012 bà có cho con gái và con rể vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà và không lập giấy tờ, cũng không thỏa thuận thời hạn vay, không yêu cầu trả lãi.

Từ cuối năm 2012 cho đến nay chị Ph, anh Ch bà vẫn chưa trả cho bà đồng nào. Nay bà đề nghị Tòa án buộc chị Ph và anh Ch phải trả cho bà số nợ 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H1 trình bày tại hồ sơ*:

Bà là dì của chị Nguyễn Thị Ph. Cuối năm 2012 bà có cho chị Ph và anh Ch vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà, không lập giấy tờ, cũng không thỏa thuận thời hạn vay, không yêu cầu trả lãi.

Năm 2018 chị Ph đã trả cho bà 30.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng còn lại đến nay vẫn chưa trả. Nay bà đề nghị Tòa án buộc chị Ph, anh Ch phải trả cho bà số nợ 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày tại hồ sơ*:

Bà là dì của chị Nguyễn Thị Ph. Cuối năm 2012 bà có cho chị Ph và anh Ch vay số tiền 130.000.000 đồng, mục đích vay để mua nhà, không lập giấy tờ, cũng không thỏa thuận thời hạn vay, không yêu cầu trả lãi.

Từ cuối năm 2012 cho đến nay chị Ph, anh Ch vẫn chưa trả cho bà khoản tiền này. Nay bà đề nghị Tòa án buộc chị Ph, anh Ch phải trả cho bà số nợ 130.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày tại đơn xin vắng mặt đề ngày 20/5/2024:*

Bà là chị dâu của anh Mai Xuân Ch. Trước đây bà có cho vợ chồng anh Ch mượn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đến nay vợ chồng anh Ch vẫn chưa trả số nợ trên cho bà.

Nay vợ chồng anh Ch ly hôn, bà không khởi kiện yêu cầu trả nợ mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết.

Do không tranh chấp và hiện nay bà ở xa, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Y tại đơn xin vắng mặt đề ngày 20/5/2024:*

Bà là em gái của anh Mai Xuân Ch. Trước đây bà có cho vợ chồng anh Ch mượn số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đến nay vợ chồng anh Ch vẫn chưa trả số nợ trên cho bà.

Nay vợ chồng anh Ch ly hôn, bà không khởi kiện yêu cầu trả nợ mà để các bên tự thỏa thuận giải quyết.

Do không tranh chấp và hiện nay bà ở xa nên đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Ngày 28/4/2024, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc buộc chị Ph, anh Ch trả nợ. Đồng thời bà Đ, bà H1 và bà H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Mai Xuân Ch tự nguyện chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 28/2/2005. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Mai Nguyễn Việt C, sinh ngày 21/12/2005 và Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 15/5/2012. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng bất hòa. Nay chị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn, xin nuôi cháu Hồng A, không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con, anh Ch đồng ý. Đối với cháu C đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ph và anh Ch không tranh chấp tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung. Bà Đ, bà H1, bà H đã có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đ, bà H, bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ph, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Lê Thị T, chị Mai Thị Y có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Nguyễn Thị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Mai Xuân Ch. Hiện nay anh Ch đang sinh sống tại ấp 5, xã T, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph, bị đơn là anh Mai Xuân Ch.

Do chị Ph khai vợ chồng còn thiếu nợ bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1, bà Lê Thị T, chị Mai Thị Y nên xác định các đương sự nêu trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Mai Xuân Ch chung sống vào năm 2005, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 28/2/2005. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Chị Ph và anh Ch đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên bất hòa, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Nay chị Ph yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Ch đồng ý thuận tình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Ph đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Ph được ly hôn anh Ch là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Ph và anh Ch khai có 02 cháu là Mai Nguyễn Việt C, sinh ngày 21/12/2005 và Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 15/5/2012. Ly hôn, chị Ph xin nuôi cháu A, không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con, anh Ch đồng ý. Đối với cháu C đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận.

[5]. Tài sản chung: Chị Ph và anh Ch không tranh chấp nên không xét.

[6]. Nợ chung: Chị Ph, anh Ch, bà T, chị Y không tranh chấp nên không xem xét.

[7]. Ngày 15/02/2024, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị H1 có đơn yêu cầu độc lập về việc buộc chị Ph, anh Ch phải trả các khoản nợ. Tuy nhiên, đến ngày 28/4/2024, bà Đ, bà H, bà H1 đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với chị Ph, anh Ch. Việc rút đơn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đ, bà H, bà H1.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị Ph phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 217, 220, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph về việc "Ly hôn" đối với bị đơn anh Mai Xuân Ch.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Mai Xuân Ch.

2. Về con chung: Xử giao cháu Mai Nguyễn Hồng A, sinh ngày 15/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Ph nuôi dưỡng. Tạm thời anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị Đ về việc tranh chấp nợ chung với chị Nguyễn Thị Ph, anh Mai Xuân Ch.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị H về việc tranh chấp nợ chung với chị Nguyễn Thị Ph, anh Mai Xuân Ch.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị H1 về việc tranh chấp nợ chung với chị Nguyễn Thị Ph, anh Mai Xuân Ch.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001902 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

Anh Mai Xuân Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai